| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 251/2026/DS-ST
Ngày: 21-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bạch Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ và ông Lê Văn Công
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trang, Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 750/2026/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2026/QĐXXST-DS ngày 21/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2026/QĐST-DS ngày 06/5/2026, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S1; địa chỉ: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: ông Nguyễn Minh T; sinh năm 1973; địa chỉ: Số H; Đường số H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2026). Vắng mặt.

*2. Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:*

Ngày 16/06/2022 ông S có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.030.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 6.834.316 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 11/08/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 21/5/2026 ông S còn nợ các khoản sau:

• Dư nợ quá hạn: 22.797.149 đồng
• Lãi quá hạn: 32.000.920 đồng
• Tổng cộng : 54.798.069 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông S có trách nhiệm thanh toán, nhưng ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn S phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 21/5/2026 là 54.798.069 đồng (trong đó nợ gốc 22.797.149 đồng; nợ lãi 32.000.920 đồng) và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông S không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 khởi kiện yêu ông Nguyễn Văn S; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh phải thanh toán nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/6/2022. Xét, đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị

đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ngày 16/06/2022 ông S có ký với Ngân hàng TMCP S1 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông S Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 21/5/2026 là 54.798.069 đồng (trong đó nợ gốc 22.797.149 đồng; nợ lãi 32.000.920 đồng).

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/06/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S1 và ông Nguyễn Văn S đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Do ông S vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện yêu cầu ông S phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 21/5/2026 là 54.798.069 đồng (trong đó nợ gốc 22.797.149 đồng; nợ lãi 32.000.920 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 22/5/2026 cho đến khi ông S trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/06/2022.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 đối với ông Nguyễn Văn S.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 tính đến ngày 21/5/2026 là 54.798.069 đồng (trong đó nợ gốc 22.797.149 đồng; nợ lãi 32.000.920 đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 22/5/2026 cho đến khi ông Nguyễn Văn S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp

thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/6/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S1 và ông Nguyễn Văn S.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 2.739.903 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền 1.247.781 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017459 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bạch Tuyết**